

**BAN TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN CỦA TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẤU GIÁ**

# **BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN CỦA TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM  
TẠI**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**

*Mã số doanh nghiệp 0100100985 đăng ký lần đầu ngày 14/07/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 26/09/2013 tại Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội*

## **TỔ CHỨC CHÀO BÁN**



### **TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM**

Địa chỉ: 25 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Điện thoại: (+84-4).38257700

Fax: (+84-4).38262269

## **TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**



### **CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**

Địa chỉ: Số 93 đường Lĩnh Nam - P. Mai Động - Q. Hoàng Mai - Hà Nội - Việt Nam, thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 38624849/38624621

Fax: (84.4) 38622601

## **TỔ CHỨC TƯ VẤN BÁN ĐẤU GIÁ**



### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**

Trụ sở chính: Tầng 1, 10, 11 Tháp BIDV – 35 Hàng Vôi – Hoàn Kiếm – Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 39352722

Fax: (84.4) 22200669

Chi nhánh: Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 39142956

Fax: (84.8) 38218510

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ TÀI LIỆU SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN BÁN ĐẤU GIÁ VÀ CÁC ĐẠI LÝ ĐẤU GIÁ THEO QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ.**

## MỤC LỤC

|  |    |
|--|----|
| PHẦN I. TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ.....                                  | 5  |
| PHẦN II. CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ.....                                   | 6  |
| PHẦN III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT .....                                       | 7  |
| PHẦN IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY.....                                    | 8  |
| 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....                                 | 8  |
| 2. Sứ mệnh, các giá trị cơ bản và định hướng của Công ty .....                     | 10 |
| 3. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ .....   | 11 |
| 4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty .....   | 12 |
| 5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty.....                      | 14 |
| 6. Sản phẩm dịch vụ của Công ty .....  | 14 |
| 7. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 3 năm gần nhất .....            | 15 |
| 8. Tài sản chủ yếu của Công ty.....  | 20 |
| 9. Tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2010 – 6 tháng 2013 .... | 22 |
| 10. Cơ cấu lao động.....   | 24 |
| 11. Danh sách các thành viên chủ chốt của Công ty .....                            | 25 |
| 12. Vị thế của Công ty trong ngành .....   | 25 |
| 13. Định hướng chiến lược giai đoạn 2011 – 2015, tầm nhìn đến năm 2020 .....       | 26 |
| 14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013.....                                     | 27 |
| PHẦN V. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO .....   | 28 |
| 1. Rủi ro kinh tế.....   | 28 |
| 2. Rủi ro pháp luật.....   | 28 |
| 3. Rủi ro đặc thù.....   | 29 |
| 4. Rủi ro của đợt đấu giá.....   | 30 |
| 5. Rủi ro khác.....  | 30 |
| PHẦN VI. NHỮNG THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT ĐẤU GIÁ.....                            | 31 |
| 1. Thông tin cơ bản về đợt đấu giá công khai .....                                 | 31 |

|  |           |
|--|-----------|
| 2. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt bán đấu giá .....   | 31        |
| 3. Địa điểm nhận Bản công bố thông tin, đăng ký tham gia đấu giá, nộp tiền đặt cọc, nhận phiếu tham dự đấu giá, bỏ phiếu tham dự đấu giá ..... | 31        |
| 4. Đối tượng tham gia đấu giá.....   | 31        |
| <b>PHẦN VII. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH .....</b>  | <b>33</b> |
| 1. Tổ chức chào bán .....  | 33        |
| 2. Tổ chức phát hành.....  | 33        |
| 3. Tổ chức tư vấn bán đấu giá .....  | 33        |

## DANH MỤC BẢNG BIỂU VÀ SƠ ĐỒ

|   |    |
|---|----|
| <b>Biểu 1.</b> Danh sách cổ đông sáng lập.....  | 11 |
| <b>Biểu 2.</b> Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ tại thời điểm 01/09/2013 ..... | 12 |
| <b>Hình 3.</b> Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty.....  | 13 |
| <b>Biểu 4:</b> Cơ cấu doanh thu thuần từ năm 2011 – 6 tháng năm 2013 .....                  | 15 |
| <b>Biểu 5:</b> Cơ cấu lợi nhuận gộp từ năm 2011 – 6 tháng năm 2013 .....                    | 16 |
| <b>Biểu 6:</b> Chi phí sản xuất từ năm 2010 – 6 tháng năm 2013.....                         | 17 |
| <b>Biểu 7:</b> Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 30/06/2013 .....                       | 20 |
| <b>Biểu 8.</b> Cơ cấu tài sản và nguồn vốn .....  | 21 |
| <b>Biểu 9.</b> Một số chỉ tiêu thể hiện tài chính năm 2010 – 6 tháng 2013.....              | 22 |
| <b>Biểu 10:</b> Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu .....  | 23 |
| <b>Biểu 11:</b> Cơ cấu lao động tại thời điểm 30/09/2013 .....                              | 24 |
| <b>Biểu 12:</b> Kế hoạch năm 2013.....  | 27 |

## **PHẦN I. TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ**

### **1. Thông tin chung về tổ chức phát hành**

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội
- Tên giao dịch quốc tế : Hanoi Industrial Textile Joint Stock Company
- Tên viết tắt : Haicatex
- Địa chỉ : Số 93 đường Lĩnh Nam - P. Mai Động - Q. Hoàng Mai - Hà Nội - Việt Nam
- Điện thoại : (84.4) 38624849/38624621
- Fax: : (84.4) 38622601
- Tỷ lệ vốn Nhà nước sau khi chào bán: 0%

### **2. Cổ phiếu bán đấu giá**

- Số lượng cổ phần bán đấu giá công khai : 493.000 cổ phần
- Loại cổ phần : cổ phần phổ thông
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Giá khởi điểm : 12.500 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần đặt mua : 493.000 cổ phần

### **3. Đối tượng tham gia đấu giá**

- Đối tượng tham gia: Các tổ chức, cá nhân trong nước đáp ứng điều kiện theo quy định của Quy chế bán đấu giá phần vốn của Tập đoàn Dệt may Việt Nam tại Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội.

### **4. Thời gian và địa điểm thực hiện**

- Thời gian và địa điểm nhận công bố thông tin, đăng ký tham gia đấu giá, nộp tiền đặt cọc, phát phiếu tham dự đấu giá và nhận phiếu tham dự đấu giá: Quy định tại Quy chế bán đấu giá phần vốn của Tập đoàn Dệt may Việt Nam tại Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội.
- Thời gian tổ chức đấu giá: 15h00 ngày 06/01/2014
- Địa điểm tổ chức đấu giá: Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Tầng 10 Tháp BIDV – 35 Hàng Vôi – Hoàn Kiếm - Hà Nội
- Thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần và nhận lại tiền đặt cọc: Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần của Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội

## **PHẦN II. CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ**

### **1. Các văn bản quy phạm pháp luật bán đấu giá phần vốn Nhà nước**

- Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư 196/2011/TT-BTC hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước.

### **2. Các quyết định của cơ quan chủ quản**

- Quyết định 320/QĐ-TTg ngày 08/02/2013 Về phê duyệt đề án tái cơ cấu Tập đoàn DMVN giai đoạn 2013-2015;
- Công văn số 9138/BCT-TCCB của Bộ Công thương ngày 09/10/2013 - phê duyệt việc thoái vốn của Vinatex;
- Quyết định số 386/QĐ-TĐDMVN ngày 19/09/2013 của Tập đoàn Dệt may Việt Nam về việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội;
- Quyết định số 387/QĐ-TĐDMVN ngày 19/09/2013 của Tập đoàn Dệt may Việt Nam về việc thành lập ban tổ chức bán đấu giá cổ phần của Tập đoàn Dệt may Việt Nam tại Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội;
- Công văn số 2834/UBCKNN-QLPH ngày 09/09/2010 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc rút tên công ty đại chúng;
- Hợp đồng số 2609/2013/TVĐG-BSC ký ngày 26/09/2013 giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Tập đoàn Dệt may Việt Nam về việc tư vấn bán đấu giá phần vốn của Tập đoàn Dệt may Việt Nam tại Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội.

### PHẦN III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Trong Bản công bố thông tin này, các từ ngữ và từ viết tắt được hiểu như sau:

- Công ty/Haicatex : là Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội
- Cơ quan quyết định bán đấu giá/ Tổ chức chào bán : là Tập đoàn Dệt may Việt Nam (Vinatex)
- Tổ chức tư vấn bán đấu giá/BSC : là Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- Nhà đầu tư : là tổ chức kinh tế và cá nhân trong, ngoài nước theo quy định tại Điều 6 Nghị định 109/2007/NĐ-CP ngày 26/06/2007 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và văn bản hướng dẫn liên quan
- Bán đấu giá cổ phần : là việc bán cổ phần Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội công khai cho các nhà đầu tư có sự cạnh tranh về giá
- ĐKKD : đăng ký kinh doanh
- CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- UBND : Ủy ban Nhân dân
- GCN : Giấy chứng nhận
- XDCB : Xây dựng cơ bản
- QLDN : Quản lý doanh nghiệp
- TCHC : Tổ chức Hành Chính
- KHKD : Kế hoạch Kinh doanh
- VNĐ : Đồng Việt Nam
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- DTT : Doanh thu thuần
- VCSH : Vốn chủ sở hữu
- TTS : Tổng tài sản
- HĐKD : Hoạt động kinh doanh

## PHẦN IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY

### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

#### 1.1. Giới thiệu Công ty

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội
- Tên giao dịch quốc tế : Hanoi Industrial Textile Joint Stock Company
- Tên viết tắt : Haicatex
- Địa chỉ : Số 93 đường Lĩnh Nam - P. Mai Động - Q. Hoàng Mai - Hà Nội - Việt Nam, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (+84)-4-38629016 Fax: (+84)-4-38622601
- Vốn điều lệ : 27.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi bảy tỷ đồng*)
- Mã số kinh doanh 0100100985 đăng ký lần đầu ngày 14/07/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 26/09/2013 tại Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội.

#### 1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Dệt công nghiệp Hà Nội được thành lập ngày 10 tháng 4 năm 1967, tiền thân là một Xí nghiệp thành viên của Nhà máy Liên hiệp Dệt Nam định sơ tán lên xã Vĩnh Tuy, Thanh Trì, Hà Nội và lúc đó mang tên: Nhà máy Dệt Chăn Hà Nội.

Trải qua hơn 40 năm xây dựng và phát triển, Công ty đã từng bước trưởng thành về mọi mặt từ cơ sở vật chất kỹ thuật đến trình độ tổ chức sản xuất và quản lý. Đội ngũ cán bộ công nhân viên có chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề, đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh trong cơ chế mới.

Nhiều sản phẩm của Công ty được đánh giá chất lượng cao như vải màn bông được cấp giấy chứng nhận cấp I, vải màn Nylon được cấp chứng chỉ thay thế hàng nhập khẩu - quản lý theo HTQLCL: ISO 9001:2000, vải bạt 3x3, 3x4 và vải không dệt được tặng huy chương vàng tại hội chợ triển lãm thành tựu kinh tế Việt Nam, Công ty đã vinh dự được Nhà nước trao tặng Huân chương lao động hạng hai và hạng ba.

Quá trình phát triển của Công ty được chia thành ba giai đoạn:

##### Giai đoạn tiền thân của Công ty (1967- 1974)

Nhà máy Dệt chăn Hà Nội – tiền thân của Công ty, ra đời trong những năm tháng chiến tranh chống Mỹ cứu nước và được giao nhiệm vụ sản xuất chăn chiên phục vụ Quân đội với nguồn cung cấp nguyên liệu từ bông, sợi phế của Liên hợp Dệt Nam Định.



Từ khi thành lập, với quy mô ban đầu hết sức nhỏ bé, tiền vốn chỉ 528.296 đồng, đội ngũ lao động chỉ có 174 người, sản lượng hàng năm: 30.000 chiếc chăn chiên.

Do máy móc cũ kỹ lạc hậu được chế tạo từ thời Pháp thuộc, nguyên liệu cung cấp thất thường, làm cho giá thành sản phẩm cao, nhà nước phải bù lỗ thường xuyên.

Năm 1970 theo chỉ đạo của bộ Công nghiệp nhẹ và Thành phố Hà nội, Nhà máy tiếp nhận dây chuyền sản xuất vải màn bông do Trung quốc chế tạo cung cấp cho Nhà máy cao su Sao Vàng sản xuất lốp xe đạp. Ngoài ra Nhà máy còn tiếp nhận một số máy dệt Plat từ thời Pháp thanh lý trong ngành để cải tạo thành dây chuyền sản xuất vải bạt, vải quân trang... Từ đây các mặt hàng vải công nghiệp: vải màn, vải bạt đã được hình thành.

Tháng 10 năm 1973 Nhà máy chính thức được đổi tên thành Nhà máy Dệt vải công nghiệp Hà Nội.

#### **Giai đoạn hoạt động trong cơ chế bao cấp (1974- 1988)**

Nhà máy vừa sản xuất vừa đầu tư xây dựng cơ bản, quy hoạch hệ thống nhà xưởng, kho tàng, đường xá, bổ xung thêm vốn... quy mô sản xuất được tăng cường.

Trong giai đoạn này, Nhà máy hoạt động sản xuất kinh doanh theo cơ chế bao cấp, thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao và đã luôn hoàn thành xuất sắc vượt mức kế hoạch, tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước.

Các sản phẩm chủ yếu đều đạt kỷ lục tiêu thụ năm 1988, trong đó vải màn bông làm lốp xe đạp tiêu thụ: 3,3 triệu m<sup>2</sup>, vải 3024: 1,4 triệu m<sup>2</sup>, vải bạt: 1,2 triệu m<sup>2</sup>. Năm 1988 giá trị tổng sản lượng đạt gần 10 tỷ đồng (theo giá cố định năm 1986), CBCNV trong biên chế lên tới 1.062 người.

#### **Giai đoạn hoạt động trong cơ chế thị trường (Từ năm 1989 đến nay)**

Từ sau đại hội Đảng VI nền kinh tế nước ta chuyển từ cơ chế kế hoạch hoá tập trung sang cơ chế thị trường theo định hướng XHCN, có sự quản lý của Nhà nước. Sản xuất kinh doanh của Nhà máy sa sút, bộc lộ nhiều hạn chế: Công nghệ lạc hậu, dây chuyền thiết bị chấp vá, kinh nghiệm hiểu biết kinh tế thị trường còn thiếu...

Để ổn định phát triển sản xuất, tăng khả năng cạnh tranh, Nhà máy đã quyết liệt thực hiện các dự án đầu tư, đổi mới công nghệ, thiết bị, thay thế mặt hàng chủ lực mới, cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm hạ giá thành sản phẩm kết hợp sắp xếp lại doanh nghiệp. Tháng 7 năm 1994, Nhà máy đổi tên thành Công ty Dệt vải Công nghiệp Hà nội.

Năm 1994 Công ty đã liên doanh với Pháp và Trung quốc đầu tư dây chuyền nhúng keo vải màn Nylon bằng thiết bị Trung Quốc. Nhưng do làm ăn kém hiệu quả, thua lỗ phía đối tác đã bán lại dây chuyền này cho Công ty cuối năm 1998. Từ đó, vải màn Nylon đã được Công ty lựa chọn là sản phẩm chủ lực thay thế sản phẩm truyền thống: vải màn

bông. Từ khi tiếp nhận dây chuyền nhúng keo, Công ty đã cải tạo lại dây chuyền nhúng keo; cải tiến bổ xung một số thiết bị lẻ của Châu Âu, không ngừng phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm. Vải mảnh Nylon của Công ty đã dần từng bước chiếm lĩnh thị trường lớp cao su trong nước.

Năm 2001, Công ty đầu tư mới một dây chuyền vải không dệt công suất 2.300 tấn/năm, thiết bị Tây Âu và tháng 10 năm 2002 đã được khánh thành đi vào sản xuất ổn định, khai trương cho sự hình thành một sản phẩm chủ lực mới của Công ty.

Trong giai đoạn này, Công ty đã được Nhà nước và các cấp Bộ ngành cho phép sáp nhập thêm các doanh nghiệp: May Bích cầu, Liên doanh Nylon Thăng long, Nhuộm Tô châu. Quy mô sản xuất kinh doanh của Công ty phát triển, lớn hơn rất nhiều.

Thực hiện quá trình cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, 15 tháng 7 năm 2006 Công ty chuyển sang cơ chế Công ty cổ phần: nhà nước chiếm 51% vốn điều lệ, tháng 5 năm 2008 tỷ lệ góp vốn của nhà nước giảm còn 29% và tháng 5 năm 2011 tỷ lệ góp vốn của nhà nước chỉ còn 18,26%.

Tháng 4 năm 2009, xí nghiệp May được tách thành lập mới Công ty cổ phần May công nghiệp Hà Nội. Không ngừng củng cố, đổi mới cơ cấu tổ chức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải tiến và hiện đại hoá quy trình sản xuất kinh doanh..., Công ty đã đạt được tốc độ tăng trưởng, phát triển cao, giá trị tổng sản lượng (vải mảnh và vải không dệt) bình quân 5 năm (2006-2010) tăng 33%, tổng doanh thu tăng 40%, lợi nhuận tăng 65,5%.

### **1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo đăng ký doanh nghiệp 0100100985 đăng ký lần đầu ngày 14/07/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 26/09/2013 tại Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội, lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm ngành dệt may;
- Kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh bất động sản;
- Các lĩnh vực hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

## **2. Sứ mệnh, các giá trị cơ bản và định hướng của Công ty**

### **2.1. Sứ mệnh**

Xây dựng HAICATEX trở thành Nhà sản xuất hàng đầu tại Việt Nam về vải mảnh lớp và vải địa kỹ thuật, hoạt động có hiệu quả, phát triển bền vững, quan tâm đến lợi ích sử dụng của khách hàng, đóng góp ngày càng nhiều cho sự phát triển đất nước.

## 2.2. Giá trị cơ bản

- Con người là nguồn tài sản vô giá, là sức mạnh của Haicatex;
- Đoàn kết, hợp tác trong công việc, tính kỷ luật cao, tác phong công nghiệp là giá trị cốt lõi, là truyền thống, là văn hóa của Haicatex;
- Chất lượng sản phẩm và dịch vụ tốt, liên tục được cải tiến, phù hợp với yêu cầu của từng khách hàng;
- Lợi nhuận là yêu cầu sống còn của sự tồn tại và tăng trưởng.

## 2.3. Những nguyên tắc định hướng

- Khách hàng là trung tâm của mọi công việc, là đối tượng phục vụ quan trọng nhất;
- Chất lượng, thời gian giao nhận sản phẩm thỏa mãn yêu cầu của khách hàng là ưu tiên số một;
- Hợp tác rộng rãi với tất cả các đối tác trong nước và ngoài nước;
- Liên tục đào tạo nguồn nhân lực, không ngừng cải tiến và đổi mới mọi mặt là vấn đề cốt yếu để thành công;
- Đoàn kết mọi người cùng nhau hợp tác trong mọi công việc là cách làm việc chung của cán bộ công nhân viên của HAICATEX. HAICATEX là một tập thể thống nhất, được mọi người tin tưởng và tôn trọng.

## 3. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

### 3.1. Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100985 đăng ký lần đầu ngày 14/07/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 26/09/2013 tại Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội, vốn điều lệ của Công ty là 27.000.000.000 đồng được chia thành các phần bằng nhau:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phần: 2.700.000 cổ phần

### 3.2. Danh sách cổ đông sáng lập

**Biểu 1. Danh sách cổ đông sáng lập**

| TT | Tên cổ đông   | Địa chỉ  | Số cổ phần | Tỷ lệ  | Số đăng ký |
|----|---|--|------------|--------|------------|
| 1. | Vốn Nhà nước<br>Do Tập đoàn Dệt may<br>Việt Nam quản lý     | 25 Bà Triệu, Quận Hoàn<br>Kiếm, Hà Nội                       | 493.000    | 18,26% |            |
| 2. | Công ty TNHH<br>Thương mại – Dịch vụ<br>- Kỹ thuật Việt Can | 29 Hoàng Việt, Phường 4,<br>Quận Tân Bình, TP Hồ<br>Chí Minh | 0          | 0      | 4102001442 |

| TT | Tên cổ đông     | Địa chỉ   | Số cổ phần | Tỷ lệ  | Số đăng ký |
|----|-----------------|---|------------|--------|------------|
| 3. | Vũ Mạnh Cường   | Số nhà 17, ngách 331/20, ngõ 343, phố Trần Khát Chân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội | 0          | 0      | 010231069  |
| 4. | Trần Đăng Tường | 90/92 đường BC2 Bàu Cát, Phường 12, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh               | 395.428    | 14,65% | 023008410  |
| 5. | Nguyễn Tuấn Văn | 197 Bạch Đằng, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh                       | 133.926    | 4,96%  | 022267122  |

*Nguồn: Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội*

Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội được thành lập ngày 14/07/2006, đến nay đã được hơn 03 năm nên cổ đông sáng lập của Công ty không còn bị hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu.

### 3.3. Danh sách cổ đông lớn

**Biểu 2.** Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ tại thời điểm 01/09/2013

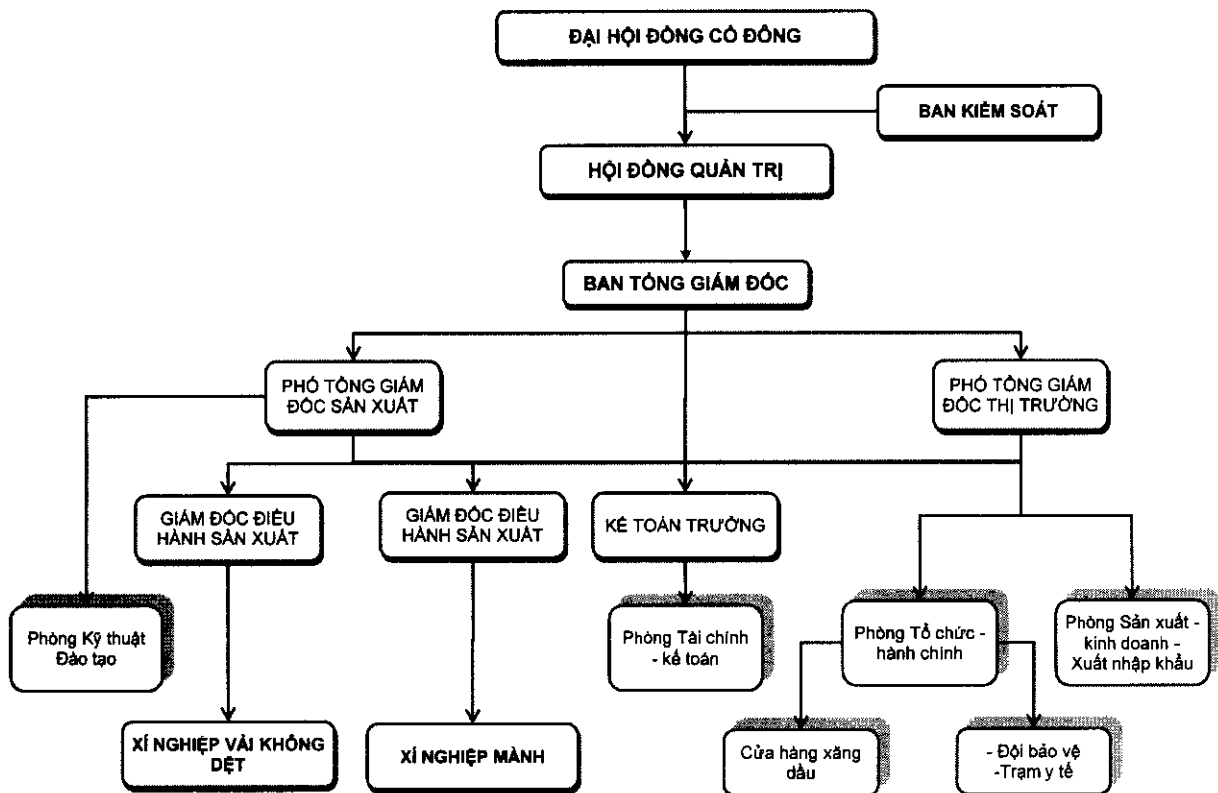
| TT | Tên cổ đông  | Địa chỉ   | Số cổ phần | Tỷ lệ  | Số đăng ký |
|----|--|---|------------|--------|------------|
| 1  | Vốn Nhà nước<br>Do Tập đoàn Dệt may Việt Nam quản lý | 25 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội                               | 493.000    | 18,26% |            |
| 2  | Trần Đăng Tường                                      | 90/92 đường BC2 Bàu Cát, Phường 12, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh | 395.428    | 14,65% | 023008410  |
| 3  | Phạm Hòa Bình  | Số 4 Bà Huyện Thanh Quan – Ba Đình – Hà Nội                       | 573.631    | 21,25% | B4607115   |
| 4  | Vũ Thị Như Quỳnh                                     | 259/31 Cách mạng Tháng Tám phường 7 quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh | 244.377    | 9,05%  | 024338524  |
| 5  | Lê Quốc Ân   | 30R Đặng Văn Ngữ, Phường 10 Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh        | 185.900    | 6,89%  | 02028997   |

*Nguồn: Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội*

### 4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Công ty được tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với cơ cấu bộ máy quản lý như sau:

**Biểu 3. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty**



Nguồn: Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội

#### 4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông của Công ty bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có quyền quyết định phương hướng sản xuất kinh doanh, đầu tư, phát triển của Công ty hàng năm; loại cổ phần và số cổ phần chào bán; mức cổ tức hàng năm; tổ chức và giải thể Công ty; bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty; bầu, bãi miễn nhiệm, xem xét xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát Công ty; tổ chức lại và giải thể Công ty theo quy định của pháp luật.

#### 4.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty do Đại hội cổ đông Công ty bầu ra, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông trước pháp luật. Hội đồng quản trị có quyền quyết định chiến lược phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty, kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán từng loại, quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; quyết định đầu tư tài sản có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty; và các phạm vi khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

#### **4.3. Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để giám sát Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. Ban kiểm soát có nhiệm vụ thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành các hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty và kiến nghị khắc phục các sai phạm; và các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

#### **4.4. Ban Tổng giám đốc**

Tổng giám đốc là người điều hành công việc sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm một trong số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác. Tổng Giám đốc quyết định các vấn đề liên quan đến công việc sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty theo sự phân cấp của Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty và các quyền và trách nhiệm khác phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Giúp việc cho Tổng giám đốc có các Phó tổng giám đốc, giám đốc điều hành và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn.

### **5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty.**

#### **5.1. Công ty mẹ**

Không có

#### **5.2. Công ty con**

Không có

### **6. Sản phẩm dịch vụ của Công ty**

Trên cơ sở ngành nghề kinh doanh đã đăng ký, hiện tại lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất các sản phẩm vải công nghiệp, bao gồm những sản phẩm chính sau:

#### **6.1. Vải mảnh làm lớp xe các loại**

Công ty là doanh nghiệp đầu tiên của Việt nam chuyên sản xuất vải mảnh làm lớp xe các loại, vải mảnh được sản xuất từ sợi Nylon6, Nylon66, sản phẩm được chế biến toàn bộ từ khâu xe sợi - dệt vải - nhuộm tẩy, được thị trường trong và ngoài nước tín nhiệm đặt hàng ngày càng tăng, với năng lực sản xuất theo thiết kế 3.500 tấn/năm.

Với sản phẩm ban đầu là vải mảnh làm lốp xe đạp từ năm 1972 từ sợi cotton, PC, đến nay HAICATEX đã trở thành Nhà sản xuất vải mảnh Nylon6, Nylon66 hàng đầu của Việt Nam, sản phẩm có chất lượng tốt, được các nhà sản xuất lốp trong nước đặt hàng như Cao su Miền Nam, Cao su Đà Nẵng, Cao su Sao Vàng ...

## 6.2. Vải không dệt

Vải không dệt chủ yếu là vải địa kỹ thuật dùng để gia cố nền đường đắp và khôi phục nền làm đường chống lún, đề kè thủy lợi... Và một phần nhỏ được cung cấp cho các nhà sản xuất giấy, làm thảm, lót thành ô tô... Sản phẩm vải địa kỹ thuật không dệt mặt trên thị trường Việt Nam từ năm 2002, tuy nhiên, sản phẩm này do Công ty sản xuất là sản phẩm đầu tiên của Việt Nam thay thế cho hàng nhập khẩu trước đó. Sản phẩm của Công ty được sản xuất trên dây chuyền thiết bị tiên tiến được chuyển giao bởi tập đoàn DILO-CHLB Đức - theo công nghệ xuyên kim, tự động hóa từ khâu nguyên liệu đến khâu thành phẩm với công suất 2.300 tấn vải/năm.

Ngoài sản phẩm vải địa kỹ thuật, công ty còn sản xuất các loại vải không dệt cho các ứng dụng khác như vải lót ngành may mặc, vải lót cốp xe máy, ô tô ...

## 6.3. Kinh doanh thương mại và các hoạt động kinh doanh khác

Các hoạt động kinh doanh khác của Công ty bao gồm kinh doanh xăng dầu, kinh doanh hàng hóa, cho thuê kiot,...

## 7. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 3 năm gần nhất

### 7.1. Giá trị sản phẩm qua các năm

**Biểu 4: Cơ cấu doanh thu thuần từ năm 2011 – 6 tháng năm 2013**

Đơn vị: triệu VNĐ

| TT          | Sản phẩm/dịch vụ                         | Năm 2011       |             | Năm 2012       |             | 6 tháng 2013   |             |
|-------------|--|----------------|-------------|----------------|-------------|----------------|-------------|
|             |  | Giá trị        | %           | Giá trị        | %           | Giá trị        | %           |
| 1           | Vải không dệt                            | 118.636        | 28%         | 146.331        | 36%         | 54.775         | 28%         |
| 2           | Vải mảnh                                 | 235.265        | 55%         | 175.559        | 43%         | 96.703         | 50%         |
| 3           | Kinh doanh thương mại và kinh doanh khác | 73.183         | 17%         | 87.376         | 21%         | 43.409         | 22%         |
| <b>Tổng</b> |  | <b>427.083</b> | <b>100%</b> | <b>409.266</b> | <b>100%</b> | <b>194.888</b> | <b>100%</b> |

Nguồn: Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội

**Biểu 5: Cơ cấu lợi nhuận gộp từ năm 2011 – 6 tháng năm 2013**

Đơn vị: triệu VNĐ

| TT          | Sản phẩm/dịch vụ                         | Năm 2011      |             | Năm 2012      |             | 6 tháng 2013  |             |
|-------------|--|---------------|-------------|---------------|-------------|---------------|-------------|
|             |  | Giá trị       | %           | Giá trị       | %           | Giá trị       | %           |
| 1           | Vải không dệt                            | 26.236        | 47%         | 37.947        | 64%         | 15.495        | 60%         |
| 2           | Vải mảnh                                 | 27.480        | 49%         | 15.843        | 27%         | 7.630         | 29%         |
| 3           | Kinh doanh thương mại và kinh doanh khác | 2.217         | 4%          | 5.685         | 10%         | 2.822         | 11%         |
| <b>Tổng</b> |  | <b>55.933</b> | <b>100%</b> | <b>59.475</b> | <b>100%</b> | <b>25.946</b> | <b>100%</b> |

*Nguồn: Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội*

Sau giai đoạn tăng trưởng khá tốt (bình quân khoảng 18%/năm) từ năm 2009 đến năm 2011, năm 2012, do tác động từ sự khó khăn chung của nền kinh tế, doanh thu Công ty lần đầu sụt giảm nhẹ (-4%). Tình hình tiếp tục có xu hướng diễn biến không khả quan khi kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm, quy mô Công ty chỉ đạt được 43% so với kế hoạch. Nguyên nhân có thể được lý giải bởi những yếu tố sau:

Năm 2012, theo thống kê không chính thức, thị trường xe máy đã tụt giảm khoảng 200.000 xe so với năm 2011, lần đầu tiên kể từ năm 2000, cho thấy thị trường đang tiệm cận dần đến điểm bão hòa. Trong khi đó, thị trường ô tô cũng không khởi sắc hơn, theo thống kê của Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam (VAMA), tổng sản lượng bán hàng trên toàn thị trường năm 2012 chỉ đạt 92.584 chiếc, giảm 33% so với năm 2011, chủ yếu do sự khó khăn của nền kinh tế cũng như việc tăng chi phí, thuế mới ban hành. Hạn chế về sức cầu, đồng thời chịu sự cạnh tranh mạnh mẽ từ các công ty 100% vốn nước ngoài như Tập đoàn Hyosung Việt Nam, Tập đoàn Formosa Đồng Nai là những doanh nghiệp hàng đầu về lĩnh vực sản xuất vải mảnh lớp xe và các công ty cung ứng nước ngoài đặt tại Việt Nam đã có tác động tiêu cực đến tốc độ tăng trưởng doanh thu của dòng sản phẩm vải mảnh của Haicatex trong năm 2012.

Đối với sản phẩm vải không dệt, là doanh nghiệp trong nước đầu tiên vận hành dây chuyền sản xuất vải không dệt, sản phẩm của Haicatex đã có vị thế nhất định trên thị trường, Tuy nhiên, do nhu cầu sử dụng còn hạn chế (mặc dù đây là sản phẩm rất tiềm năng), đồng thời dưới áp lực cạnh tranh mạnh từ các đơn vị sản xuất liên doanh và doanh nghiệp trong nước, cũng như từ những nhà nhập khẩu trực tiếp, khiến cho hoạt động Công ty ngày càng gặp nhiều khó khăn. Ngoài ra Công ty còn bị nợ đọng chiếm dụng vốn từ các doanh nghiệp ngành xây dựng do các doanh nghiệp trong ngành này đều đang gặp khó khăn chung.



Mặc dù sản phẩm vải mảnh chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu thuần của Công ty (từ 40% - 55%), song lợi nhuận gộp lại có xu hướng giảm trong cơ cấu lợi nhuận gộp của toàn Công ty. Sản phẩm vải không dệt hiện đang chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty và đang có xu hướng tăng (từ 47% năm 2011 lên trên 60% trong các năm sau). Tỷ lệ lợi nhuận biên gộp của Công ty duy trì ở mức 13% - 15%.

## 7.2. Nguyên vật liệu

### 7.2.1. Nguồn nguyên vật liệu và các nguồn cung cấp

Trong lĩnh vực dệt công nghiệp, nguyên vật liệu chính là sợi Nylon6, Nylon66 (đối với vải mảnh) và xơ PP, PE. Cùng với phương pháp và kỹ thuật dệt, chất lượng của nguyên vật liệu đóng vai trò rất lớn đối với chất lượng của sản phẩm đầu ra, đặc biệt là tính an toàn và kết cấu của sản phẩm. Hiện nay, 100% nguyên vật liệu chính của Công ty là được nhập khẩu trực tiếp từ nước ngoài.

### 7.2.2. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Nguyên vật liệu chiếm tới 70%-75% giá thành các sản phẩm vải dệt và trên 80% giá vốn kinh doanh, xăng dầu. Do đó, sự biến động giá cả nguyên vật liệu có ảnh hưởng rất lớn đối với doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Khi giá cả nguyên vật liệu tăng đột biến sẽ nhanh chóng tác động đến giá cả các yếu tố đầu vào của Công ty, đẩy chi phí sản xuất lên cao, điều này có thể gây ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty. Để hạn chế ảnh hưởng này, Công ty luôn duy trì, phát triển mạng lưới các đối tác cung ứng truyền thống, đồng thời chủ động xác định sớm về thời điểm phát sinh nhu cầu nguyên vật liệu để xây dựng phương án thu mua nguyên vật liệu hợp lý và kiểm soát được giá cả.

## 7.3. Chi phí sản xuất

**Biểu 6:** Chi phí sản xuất từ năm 2010 – 6 tháng năm 2013

Đơn vị: triệu VNĐ

| Chi phí                      | 2010           |              | 2011           |              | 2012           |              | 06 tháng 13    |               |
|------------------------------|----------------|--------------|----------------|--------------|----------------|--------------|----------------|---------------|
|                              | Giá trị        | %/DT         | Giá trị        | %/DT         | Giá trị        | %/DT         | Giá trị        | %/DT          |
| Giá vốn                      | 308.772        | 85,5%        | 371.150        | 86,9%        | 349.791        | 85,5%        | 168.942        | 86,7%         |
| Chi phí bán hàng             | 12.646         | 3,5%         | 12.387         | 2,9%         | 14.966         | 3,7%         | 6.132          | 3,1%          |
| Chi phí Quản lý doanh nghiệp | 14.804         | 4,1%         | 12.160         | 2,8%         | 19.462         | 4,8%         | 15.162         | 7,8%          |
| Chi phí tài chính            | 20.049         | 5,6%         | 23.887         | 5,6%         | 11.942         | 2,9%         | 5.329          | 2,7%          |
| <b>Tổng chi phí</b>          | <b>356.270</b> | <b>98,7%</b> | <b>419.585</b> | <b>98,2%</b> | <b>396.161</b> | <b>96,8%</b> | <b>195.564</b> | <b>100,3%</b> |

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010, 2011, 2012 và 6 tháng 2013 của Công ty

Cơ cấu chi phí của Công ty qua các năm tương đối ổn định và có xu hướng giảm dần trong các năm 2010 - 2012. Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí sản xuất của Công ty, chiếm 85%-87% doanh thu thuần. Chi phí bán hàng chiếm 3%-4% doanh thu, chi phí tài chính 3%-6% doanh thu tùy theo tình hình diễn biến trên thị trường tài chính trong từng thời kỳ.

Trong 6 tháng 2013, tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty tăng đột biến so với các năm trước (từ 3%-4%) lên 7,8% là do Công ty thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản phải thu khó đòi lên tới hơn 8 tỷ đồng. Khoản trích lập này đã khiến chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty tăng 2,5 lần so với cùng kỳ năm 2012, dẫn kết quả sản xuất kinh doanh hai Quý đầu năm 2013 của Công ty lỗ gần 2,5 tỷ đồng. Ngoài ra, tới thời điểm 31/12/2013, Công ty dự tính số nợ phải thu quá hạn thanh toán nhưng chưa được trích lập dự phòng là hơn 2 tỷ đồng, nếu phải trích khoản dự phòng này chi phí của Công ty năm 2013 sẽ có thể tăng đột biến hơn nữa.

#### **7.4. Trình độ công nghệ**

Nhận thức rõ tác động của yếu tố công nghệ tới chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất kinh doanh nói chung, Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội rất chú trọng đầu tư công nghệ, thiết bị hiện đại.

Đối với sản phẩm vải màn, năm 1996 Công ty đã nhận chuyển giao công nghệ từ Trung Quốc với năng lực sản xuất theo thiết kế 3.500 tấn/năm, sản phẩm được chế biến toàn bộ từ khâu xe sợi - dệt vải - nhuộm tẩy, được thị trường trong nước tín nhiệm đặt hàng ngày càng tăng.

Đối với sản phẩm vải địa kỹ thuật, năm 2002 Công ty đã đầu tư dây chuyền thiết bị tiên tiến được chuyển giao bởi tập đoàn DILO- CHLB Đức - là tập đoàn lớn trong lĩnh vực chế tạo thiết bị sản xuất vải không dệt theo công nghệ xuyên kim, tự động hóa hoàn toàn từ khâu nguyên liệu đến khâu thành phẩm cuối cùng.

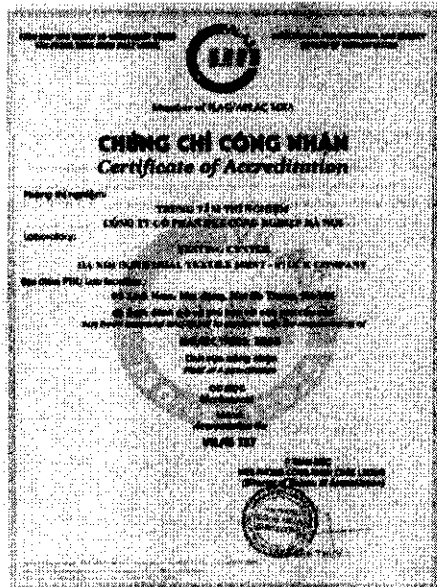
Với việc làm chủ được công nghệ và dây chuyền sản xuất hiện đại, CBCNV có năng lực đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật cao trong sản xuất, sản phẩm của Công ty đã được nhiều nhà sản xuất, nhiều công trình lớn trong nước biết đến và tin dùng.

#### **7.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ và nghiên cứu phát triển sản phẩm mới**

Công ty đặt việc xây dựng chính sách chất lượng là một trong những chiến lược kinh doanh hàng đầu của Công ty, qua việc cung cấp các sản phẩm đảm bảo thời gian, giá cả hợp lý và không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm để luôn phù hợp với nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Chính sách chất lượng của Công ty là Đảm bảo chất lượng sản phẩm, thỏa mãn nhu cầu và những điều đã cam kết với khách hàng là sự tồn tại và phát triển của công ty. Chính sách chất lượng được phổ biến tới toàn thể cán bộ công nhân viên của công ty trong các buổi họp toàn công ty và mọi người luôn nhắc nhở rằng: Chất lượng là vấn đề hàng đầu của Công ty và chất lượng sản phẩm chính là chất lượng cuộc sống của mỗi người.

Với chính sách chất lượng trên, Công ty luôn chú trọng tới công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ. Các sản phẩm vải của Công ty được sản xuất dựa trên sự kết hợp giữa các thiết bị hiện đại được nhập bổ sung từ Châu Âu với dây chuyền thiết bị cũ có quy trình sản xuất đáp ứng Tiêu chuẩn ISO 9001:2000. Các sản phẩm vải của Công ty được kiểm tra chất lượng tại từng khâu trong quá trình sản xuất cũng kiểm tra trước khi nhập kho và trước khi xuất bán cho khách hàng. Ngoài ra Công ty còn xây dựng một Trung tâm Thí nghiệm với hệ thống thiết bị thí nghiệm hoàn chỉnh đạt tiêu chuẩn VILAS137 để nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới cũng như thử nghiệm và kiểm tra chất lượng sản phẩm trước khi lưu hành. Trung tâm này cũng đã được Tổng cục đo lường chất lượng đánh giá và công nhận là phù hợp với Tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005 trong lĩnh vực cơ học.



## 7.6. Hoạt động marketing

Hoạt động marketing và bán hàng của Công ty hiện nay được thực hiện thông qua Phòng Sản xuất Kinh doanh – Xuất nhập khẩu. Sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ cho các nhà máy sản xuất lốp ô tô, xe máy, xe đạp và các dự án giao thông lớn nên hoạt động marketing được tập trung theo chiều sâu và chiều rộng. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã bắt đầu xây dựng các chính sách marketing để tăng cường quảng bá hình ảnh và thương hiệu của Công ty.

## 7.7. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Công ty đã đăng ký nhãn hiệu thương mại cho hàng hóa đối với cả hai sản phẩm vải địa kỹ thuật HD và vải màng:

- Sản phẩm vải địa kỹ thuật: Đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 54186 theo Quyết định số A2242/QĐ-ĐK ngày 12/05/2000 và Quyết định số 33018/QĐ-SHTT và 33019/QĐ-SHTT ngày 20/06/2013 của Cục Sở hữu Trí tuệ, Bộ Khoa học Công nghệ.
- Sản phẩm vải màng làm lớp: Đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 67360 theo Quyết định số A11140/QĐ-ĐK ngày 18/10/2005 của Cục Sở hữu Trí tuệ, Bộ Khoa học Công nghệ
- Mẫu nhãn hiệu



## 8. Tài sản chủ yếu của Công ty

### 8.1. Quyền sử dụng đất

- Diện tích: 44.818 m<sup>2</sup>
- Địa chỉ: Số 93 đường Lĩnh Nam, phường Mai Động, quận Hoàng Mai
- Mục đích sử dụng: làm nhà điều hành sản xuất, nhà xưởng và kho
- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hằng năm
- Thời hạn sử dụng:
  - + 37.903m<sup>2</sup> đất (Khu A, B): Thuê 50 năm kể từ ngày 27/04/2007
  - + 6.915m<sup>2</sup> đất (Khu C, D, E, G, H): Thuê hằng năm
- Cơ sở pháp lý:
  - + Quyết định số 417/QĐ-UBND ngày 23/01/2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại 93 đường Lĩnh Nam, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội cho Công ty Cổ phần Dệt công nghiệp Hà Nội để sử dụng cùng với công trình đã xây dựng là nhà điều hành sản xuất, nhà xưởng và kho
  - + Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ692147

### 8.2. Tài sản cố định

**Biểu 7:** Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 30/06/2013

| Đơn vị: đồng |                          |                 |                    |                    |                  |
|--------------|--------------------------|-----------------|--------------------|--------------------|------------------|
| T<br>T       | Loại tài sản             | Nguyên giá      | Khấu hao lũy<br>kế | Giá trị còn<br>lại | Tỷ lệ<br>còn lại |
| A            | Tài sản cố định hữu hình | 169.453.526.372 | 150.876.726.595    | 18.576.799.777     | 11,0%            |
| 1.           | Nhà cửa vật kiến trúc    | 32.301.051.713  | 28.503.751.950     | 3.797.299.763      | 11,8%            |

| T<br>T   | Loại tài sản                   | Nguyên giá             | Khấu hao lũy<br>kế     | Giá trị còn<br>lại    | Tỷ lệ<br>còn lại |
|----------|--------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|------------------|
| 2.       | Máy móc thiết bị               | 132.434.751.794        | 119.286.974.499        | 13.147.777.295        | 9,9%             |
| 3.       | Phương tiện vận tải            | 3.999.646.684          | 2.367.923.965          | 1.631.722.719         | 40,8%            |
| 4.       | Thiết bị quản lý               | 684.463.025            | 684.463.025            | -                     | -                |
| 5.       | Tài sản cố định khác           | 33.613.156             | 33.613.156             | -                     | -                |
| <b>B</b> | <b>Tài sản cố định vô hình</b> | <b>656.820.424</b>     |                        | -                     | -                |
| 1        | Giá trị quyền sử dụng đất      | 127.972.728            | 127.972.728            | -                     | -                |
| 2        | Phần mềm máy tính              | 528.847.696            | 528.847.696            | -                     | -                |
|          | <b>TỔNG CỘNG</b>               | <b>170.110.346.796</b> | <b>150.876.726.595</b> | <b>18.576.799.777</b> | <b>10,9%</b>     |

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hai quý đầu năm 2013 Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội

### 8.3. Cơ cấu tài sản và nguồn vốn

Theo báo cáo tài chính kiểm toán tại thời điểm 30/06/2013, cơ cấu tài sản và nguồn vốn của Công ty như sau:

**Biểu 8. Cơ cấu tài sản và nguồn vốn**

| Phân loại                             | Giá trị (nghìn đồng) | Tỷ trọng (%) |
|---------------------------------------|----------------------|--------------|
| <b>Phân loại theo kết cấu tài sản</b> |                      |              |
| Tài sản cố định và đầu tư dài hạn     | 20.781.539           | 16,99%       |
| Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn   | 101.511.303          | 83,01%       |
| <b>Phân loại theo nguồn vốn</b>       |                      |              |
| Nợ phải trả                           | 89.004.750           | 72,78%       |
| Vốn chủ sở hữu                        | 33.288.091           | 27,22%       |
| <b>TỔNG TÀI SẢN</b>                   | <b>122.292.842</b>   | <b>100%</b>  |

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội tại 30/06/2013

## 9. Tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2010 – 6 tháng 2013

### 9.1. Tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh

**Biểu 9.** Một số chỉ tiêu thể hiện tài chính năm 2010 – 6 tháng 2013

|     |   | Đơn vị: triệu đồng |                |                |                |
|-----|---|--------------------|----------------|----------------|----------------|
| TT  | Chỉ tiêu                                      | 2010               | 2011           | 2012           | 6 tháng 2013   |
| 1.  | Tổng tài sản                                  | 156.066            | 161.408        | 125.887        | 122.293        |
| 2.  | Vốn chủ sở hữu                                | 20.743             | 31.910         | 35.906         | 33.288         |
| 3.  | Tổng doanh thu                                | 362.577            | 427.611        | 409.625        | 194.925        |
|     | <i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i> | <i>361.049</i>     | <i>427.083</i> | <i>409.266</i> | <i>194.888</i> |
|     | <i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>          | <i>1.527</i>       | <i>528</i>     | <i>358</i>     | <i>37</i>      |
| 4.  | Thu nhập khác                                 | 85                 | 55             | 598            | 101            |
| 5.  | Tổng chi phí                                  | 356.270            | 419.585        | 399.284        | 195.617        |
| 6.  | Lợi nhuận trước thuế                          | 6.392              | 8.082          | 10.939         | -591           |
| 7.  | Lợi nhuận sau thuế                            | 5.441              | 7.355          | 9.725          | -2.426         |
| 8.  | Nợ vay ngắn hạn:                              |                    |                |                |                |
|     | <i>Trong đó nợ quá hạn:</i>                   | <i>103.921</i>     | <i>117.793</i> | <i>86.979</i>  | <i>86.250</i>  |
| 9.  | Nợ vay dài hạn:                               |                    |                |                |                |
|     | <i>Trong đó nợ quá hạn:</i>                   | <i>0</i>           | <i>0</i>       | <i>0</i>       | <i>0</i>       |
| 10. | Lao động (người)                              | 225                | 213            | 210            | 209            |
| 11. | Tổng quỹ lương (triệu đồng)                   |                    | 11.578         | 11.970         | 5.640          |
| 12. | Thu nhập bình quân tháng (đồng/người/tháng)   | 3.950.000          | 4.530.000      | 4.750.000      | 4.500.000      |
| 13. | Tỷ suất LNST/vốn                              | 26,23%             | 23,05%         | 27,08%         | -7,29%         |

*Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010, 2011, 2012 và 6 tháng 2013 của Công ty*

### 9.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh năm báo cáo

#### Thuận lợi

- Là đơn vị có truyền thống gần 50 năm hoạt động trong lĩnh vực dệt may nói chung và dệt công nghiệp nói riêng, Công ty có đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn, đã trải qua thực tế, có năng lực, kinh nghiệm và nhiệt huyết, có phẩm chất chính trị, thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

- Công ty đã kịp thời sắp xếp cơ cấu tổ chức lao động để tổ chức kinh doanh trong điều kiện cạnh tranh của kinh tế thị trường song song với đảm bảo mức tăng trưởng bình quân hằng năm.
- Công ty là công ty đầu tiên tại Việt Nam sản xuất được sản phẩm vải không dệt thay thế cho các sản phẩm được nhập khẩu trước đó. Là doanh nghiệp đi tiên phong trên thị trường cùng với thế mạnh trong dây chuyền công nghệ hiện đại của DILO- CHLB Đức, uy tín của Công ty được thị trường đánh giá cao.

#### Khó khăn

- Sự bão hòa của thị trường xe máy năm 2012 và tình hình thị trường ô tô sụt giảm do sự khó khăn chung của nền kinh tế cũng như các chính sách thuế và phí mới ban hành đã ảnh hưởng tiêu cực đến ngành sản xuất lắp ráp xe, từ đó kéo theo những ảnh hưởng không nhỏ tới lĩnh vực sản xuất vải màn hình.
- Sự cạnh tranh từ những đơn vị 100% vốn nước ngoài với công suất hoạt động rất lớn và từ các sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc đã ảnh hưởng không nhỏ tới tình hình tiêu thụ sản phẩm của Công ty.
- Thị trường bất động sản giảm sâu, nhà nước cắt giảm đầu tư công, nợ đọng các công trình xây dựng cơ bản kéo dài nên ảnh hưởng quá lớn đến tình hình sản xuất kinh doanh và tiêu thụ vải địa kỹ thuật không dệt của công ty.
- Thiết bị máy móc của công ty đã cũ, vận hành từ trên 10 năm đến gần 20 năm (như dây chuyền nhúng keo vải màn hình) nên đòi hỏi phải có một số vốn rất lớn để đầu tư một dây chuyền mới và phát triển thêm các thị trường mới tương xứng với công suất sau khi được đầu tư.

Mặc dù còn khó khăn trên nhưng toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đã nỗ lực phát huy những điều kiện thuận lợi, vượt qua khó khăn thách thức, phấn đấu thực hiện hoàn thành các mục tiêu đã đặt ra.

#### 9.3. Tình hình hoạt động tài chính

**Biểu 10: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

| TT       | Chỉ tiêu                               | Năm 2010 | Năm 2011 | Năm 2012 | 6T 2013 |
|----------|--|----------|----------|----------|---------|
| <b>1</b> | <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b> |          |          |          |         |
|          | Hệ số thanh toán ngắn hạn              | 0,95     | 1,00     | 1,14     | 1,18    |
|          | Hệ số thanh toán nhanh                 | 0,68     | 0,69     | 0,72     | 0,70    |
| <b>2</b> | <b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>          |          |          |          |         |
|          | Hệ số Nợ/ Tổng tài sản                 | 0,87     | 0,80     | 0,71     | 0,73    |

| TT       | Chỉ tiêu                              | Năm 2010 | Năm 2011 | Năm 2012 | 6T 2013 |
|----------|---------------------------------------|----------|----------|----------|---------|
|          | Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu              | 6,52     | 4,06     | 2,51     | 2,67    |
| <b>3</b> | <b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b> |          |          |          |         |
|          | Vòng quay hàng tồn kho (vòng/năm)     | 11,15    | 10,05    | 9,75     | 4,15    |
|          | Doanh thu thuần/ Tổng tài sản         | 2,31     | 2,65     | 3,25     | 1,59    |
| <b>4</b> | <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>  |          |          |          |         |
|          | Hệ số Lợi nhuận sau thuế/DTT          | 1,51%    | 1,72%    | 2,38%    | -1,24%  |
|          | Hệ số lợi nhuận sau thuế/VCSH         | 26,23%   | 23,05%   | 27,08%   | -7,29%  |
|          | Hệ số lợi nhuận sau thuế/TTS          | 3,49%    | 4,56%    | 7,72%    | -1,98%  |
|          | Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/DTT           | 1,75%    | 1,88%    | 3,29%    | -0,33%  |

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010, 2011, 2012 và 6 tháng 2013 của Công ty

## 10. Cơ cấu lao động

**Biểu 11: Cơ cấu lao động tại thời điểm 30/09/2013**

| Chỉ tiêu                                  | Số lượng   | Tỷ lệ  |
|---|------------|--------|
| <b>Cơ cấu lao động theo trình độ</b>      |            |        |
| Trình độ đại học                          | 44         | 20,66% |
| Trình độ cao đẳng, trung cấp              | 11         | 5,16%  |
| Lao động có chứng chỉ nghề                | 4          | 1,88%  |
| Trình độ khác                             | 154        | 72,30% |
| <b>Cơ cấu lao động theo loại hợp đồng</b> |            |        |
| Hợp đồng dài hạn                          | 188        | 88,26% |
| Hợp đồng ngắn hạn, tập sự                 | 25         | 11,74% |
| <b>Cơ cấu lao động theo độ tuổi</b>       |            |        |
| Dưới 30                                   | 53         | 24,88% |
| Từ 30 – 50 tuổi                           | 137        | 64,32% |
| Trên 50 tuổi                              | 23         | 10,80% |
| <b>Tổng số lao động</b>                   | <b>213</b> |        |

Nguồn: Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội



## 11. Danh sách các thành viên chủ chốt của Công ty

| TT                                    | Họ và tên            | Nguyên quán                                 | Trình độ                                      | Chức vụ                       |
|---------------------------------------|----------------------|---|---|-------------------------------|
| <b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>              |                      |   |   |                               |
|                                       | Phạm Hòa Bình        | Nghĩa Lộ, Tứ Nghĩa,<br>Quảng Ngãi           | Cử nhân Kinh tế                               | Chủ tịch<br>Tổng Giám đốc     |
|                                       | Lê Quốc Ân           | Quảng Ngãi                                  | Cử nhân                                       | Ủy viên                       |
|                                       | Đào Thị Nguyệt       | Nho Quan, Hoàng<br>Long, Ninh Bình          | Cử nhân Tài chính<br>Kế toán                  | Ủy viên<br>Kế toán trưởng     |
| <b>BAN KIỂM SOÁT</b>                  |                      |   |   |                               |
|                                       | Nguyễn Bích Vân      | Mĩ Hào, Mỹ Văn, Hưng<br>Yên                 | Kỹ sư - ĐH Bách<br>Khoa HN<br>Cử nhân Kinh tế | Trưởng ban<br>TP TCHC Công ty |
|                                       | Vũ Thị Ngọc<br>Hương |   | Cử nhân Tài chính<br>Kế toán                  | Ủy viên                       |
|                                       | Bùi Thị Minh         | An Ninh, Quỳnh Phụ,<br>Thái Bình            | Cử nhân Kinh tế                               | Ủy viên<br>Phó phòng TCKT     |
| <b>BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG</b> |                      |   |   |                               |
|                                       | Phạm Hòa Bình        | Nghĩa Lộ, Tứ Nghĩa,<br>Quảng Ngãi           | Cử nhân Kinh tế                               | Chủ tịch<br>Tổng Giám đốc     |
|                                       | Trần Đức Hoàng       | Hương Gia, Phú<br>Cường, Sóc Sơn, Hà<br>Nội | Kỹ sư - ĐH Bách<br>Khoa HN                    | Phó Tổng Giám đốc             |
|                                       | Nguyễn Đức Sỹ        | Nam Nghĩa, Nam<br>Trực, Nam Định            | Kỹ sư - ĐH Bách<br>Khoa HN                    | Phó Tổng Giám đốc             |
|                                       | Đào Thị Nguyệt       | Nho Quan, Hoàng<br>Long, Ninh Bình          | Cử nhân Tài chính<br>Kế toán                  | Ủy viên<br>Kế toán trưởng     |

## 12. Vị thế của Công ty trong ngành

### 12.1. Vị thế của Công ty

Được thành lập từ năm 1967, cùng đất nước trải qua giai đoạn khôi phục kinh tế sau chiến tranh, từng bước mở cửa và chuyển sang giai đoạn kinh tế thị trường, đến nay Công ty đã đạt được một số thành tựu nhất định. Trong suốt gần 50 năm hình thành và phát triển, từ một doanh nghiệp tiền thân sản xuất chăn chiên, sau này được chuyển đổi sang dệt vải mảnh, Công ty đã kịp thời bắt kịp với nhu cầu vải mảnh để sản xuất sẫm lớp và đã trở thành nhà cung cấp cho các công ty như Cao su Sao Vàng, Cao su Miền Nam, Cao su Đà Nẵng. Bên cạnh đó, Công ty cũng mạnh dạn nghiên cứu phát triển thêm sản

phẩm mới là sản phẩm vải không dệt, là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam tiên phong trong lĩnh vực này để cung cấp sản phẩm cho các công trình đường giao thông, thủy lợi,...

Tuy nhiên, hiện nay, xét về năng lực sản xuất, Công ty hiện đã bị nhóm các công ty liên doanh trong ngành bỏ xa về mặt quy mô.

## **12.2. Triển vọng phát triển ngành**

Theo thống kê từ Bộ Giao thông Vận tải, số xe máy đăng ký lưu hành trên thực tế đã hơn 37 triệu chiếc tính đến tháng 1/2013, còn số ô tô là 1,46 triệu chiếc tính đến tháng 01/2012. Theo Quyết định số 356/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25/02/2013 phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường bộ Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, dự kiến năm 2020 có khoảng 3,2 - 3,5 triệu ô tô và có khoảng 3,6 triệu xe máy (điểm b, khoản 9, Phần III). Như vậy, với số lượng lớp thay thế hằng năm cho số lượng xe lưu hành như trên, có thể nhu cầu đối với vải mảnh để sản xuất lớp xe cho riêng nhu cầu tiêu dùng trong nước cũng khá lớn.

Về công nghệ sản xuất vải mảnh, hiện nay trên thế giới đã chuyển sang công nghệ vải mảnh radial để sản xuất săm lốp xe. Sản phẩm theo công nghệ mới có chất lượng và độ bền hơn hẳn so với sản phẩm theo công nghệ bias đang phổ biến tại Việt Nam hiện nay. Tại Việt Nam, một số công ty săm lốp như CTCP Cao su Đà Nẵng, CTCP Cao su Miền Nam cũng đã xây dựng nhà máy để sản xuất theo công nghệ mới này và đang có kế hoạch tiếp tục mở rộng nhà máy trong giai đoạn hai. Trong khi đó, sản phẩm vải mảnh của Công ty đang được sản xuất theo công nghệ bias, điều này đòi hỏi Công ty phải chuẩn bị nguồn vốn lớn và có những bước đầu tư hợp lý để bắt kịp với xu thế và giữ vững thị phần hiện có.

Đối với sản phẩm vải không dệt, công nghệ sản xuất được Công ty luôn thay đổi để đáp ứng nhu cầu thị trường. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa có quy trình kiểm tra, đánh giá chuyên nghiệp, điều này gián tiếp ảnh hưởng tới hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

## **13. Định hướng chiến lược giai đoạn 2011 – 2015 tầm nhìn đến năm 2020**

Công ty định hướng tập trung phát triển mạnh cả hai mặt hàng vải mảnh và vải không dệt, có sự hỗ trợ lẫn nhau tại từng thời điểm.

### **13.1. Đối với sản phẩm vải mảnh**

- Công ty sẽ đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm có giá trị gia tăng cao như vải mảnh lớp ô tô, đặt mục tiêu chiếm lĩnh 30% thị phần tại Cao su Miền Nam, tiến tới chiếm được thị phần tại Cao su Đà Nẵng, Cao su Sao Vàng.
- Vải mảnh lớp xe máy phải có bước đột phá về giá để có thể cạnh tranh giành được thị phần từ các công ty của Đài Loan, Thái Lan;

- Tiếp tục đầu tư chiều sâu nâng cấp thiết bị nhúng keo, loại bỏ tối đa các sản phẩm lỗi, đảm bảo độ ổn định cao cho chất lượng sản phẩm;
- Kịp thời thu hồi vốn và thu hẹp quy mô sản xuất sản phẩm vải mảnh để chuyển đổi sang mặt hàng khác khi các khách hàng chuyển hướng sang sử dụng công nghệ làm lớp radial.

### 13.2. Đối với sản phẩm vải không dệt

- Sản phẩm chủ lực là vải địa kỹ thuật, tích cực đẩy mạnh xuất khẩu, mở rộng thị trường sang châu Âu, nâng sản lượng xuất khẩu hết cỡ 100% năng lực hiện có, tiến tới đầu tư mới cho thị trường nội địa, tăng quy mô sản xuất.
- Tiếp tục đầu tư triển khai các bước đầu tư dây chuyền vải địa kỹ thuật không dệt công suất 2.500 tấn/năm khổ 6 mét.
- Nghiên cứu đầu tư dây chuyền vải không dệt công nghệ Spunbond để đa dạng hóa mặt hàng

### 13.3. Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới

- Nghiên cứu mở rộng sản xuất các mặt hàng đa dạng như cốp xe máy, vải nội thất ô tô,... để chuẩn bị thay thế mặt hàng cũ lạc hậu như mặt hàng vải lớp xe bias là mặt hàng có tỷ suất lợi nhuận thấp.
- Nghiên cứu vải làm giày dép, phụ liệu may mặc,...

## 14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 18/05/2013, Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2013 bao gồm các chỉ tiêu chủ yếu sau:

**Biểu 12: Kế hoạch năm 2013**

| TT | Chỉ tiêu                    | Kế hoạch năm 2013  | Thực hiện năm 2012    | % tăng/giảm |
|----|-----------------------------|--------------------|-----------------------|-------------|
| 1. | Giá trị sản xuất kinh doanh | 219 tỷ đồng        | 191,5 tỷ đồng         | 14,36%      |
| 2. | Doanh thu                   | 450 tỷ đồng        | 409 tỷ đồng           | 10,02%      |
| 3. | Lợi nhuận                   | 11 tỷ đồng         | 9,7 tỷ đồng           | 12,9%       |
| 4. | Trích quỹ theo luật định    | 4,6 tỷ đồng        | 4,51 tỷ đồng          | 1,99%       |
| 5. | Thu nhập bình quân tháng    | 5 triệu đồng/người | 4,75 triệu đồng/người | 5,26%       |
| 6. | Cổ tức/Vốn điều lệ          | 16% bằng tiền mặt  | 16% bằng tiền mặt     | -           |

*Nguồn: Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội*

## **PHẦN V. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO**

Chúng tôi xin lưu ý các nhà đầu tư về các nhân tố rủi ro có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động của Công ty và/hoặc giá cổ phiếu Công ty mà các nhà đầu tư cần cân nhắc trước khi quyết định đăng ký đấu giá mua cổ phần Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội.

### **1. Rủi ro kinh tế**

Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam có ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến tốc độ tăng trưởng của các ngành kinh tế. Giai đoạn từ năm 2008 tới năm 2012, do chịu tác động từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu nên tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam có chậm lại bình quân gần 6%/năm (tương ứng là 6,23%, 5,32%, 6,78% , 5,89% và đạt 5,03% trong năm 2012). Điều này cho thấy bức tranh toàn cảnh nền kinh tế Việt Nam vẫn còn đang trong giai đoạn khắc phục những hậu quả của cuộc khủng hoảng tài chính trước khi tiến tới một giai đoạn tăng trưởng mới. Như vậy, những yếu tố vĩ mô chưa thật sự ổn định là rủi ro cho những doanh nghiệp, những chủ thể đang vận hành trong nền kinh tế.

Với tình hình nền kinh tế phát triển, nhu cầu vận tải hàng hóa và dịch vụ hạ tầng giao thông vận tải cũng lớn hơn, và ngược lại. Do đó, những biến động của nền kinh tế nói chung sẽ ảnh hưởng tới sự tăng trưởng của ngành nói chung và của Công ty nói riêng.

Bên cạnh rủi ro từ tốc độ tăng trưởng kinh tế chung, Công ty còn chịu rủi ro về tỷ giá và cân đối nguồn ngoại tệ do nguyên liệu chính của Công ty được nhập khẩu trực tiếp 100% từ nước ngoài. Công ty phải thanh toán tiền hàng, nhận nợ vay ngắn hạn ngân hàng toàn bộ bằng ngoại tệ, trong khi đó, doanh thu xuất khẩu thấp (bằng 15% tổng doanh thu toàn Công ty) nên Công ty khó có thể chủ động về cân đối nguồn ngoại tệ để làm vốn lưu động trong sản xuất kinh doanh. Chi phí chênh lệch tỷ giá ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể trong hai năm 2010 và năm 2011 lỗ chênh lệch tỉ giá tương ứng là 6,1 tỷ đồng và 10,1 tỷ đồng, những năm gần đây có giảm xuống nhưng vẫn ở mức cao.

### **2. Rủi ro pháp luật**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, các chính sách thuế, ... Nếu sau đợt bán đấu giá Công ty trở thành công ty cổ phần đại chúng, Công ty cũng chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Do hệ thống pháp luật Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra và có thể mang tới thuận lợi

hoặc bất lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước để từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp.

Một trong những rủi ro pháp luật có thể ảnh hưởng lớn tới hoạt động của Công ty là chính sách di dời các nhà máy sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm ra khỏi nội thành Hà Nội. Hiện Nhà máy sản xuất vải màn của Công ty đang sử dụng nhiên liệu than cám và hoá chất, thải ra các chất thải rắn, do đó Nhà máy có thể là đối tượng phải di dời khi Thành phố có yêu cầu.

### 3. Rủi ro đặc thù

Ngoài những rủi ro chung, Công ty còn đứng trước một số rủi ro đặc thù xuất phát từ hoạt động sản xuất kinh doanh và quá trình tác nghiệp của chính Công ty, cụ thể như sau:

- Xu hướng ngành sẫm lõp cao su trên thế giới đã chuyển sang công nghệ radial, trong khi đó sản phẩm chủ yếu của Công ty dùng cho công nghệ bias, dẫn tới rủi ro lạc hậu về công nghệ, nếu Công ty không kịp thời đầu tư và chuyển hướng sản xuất theo xu thế mới.
- Các đối thủ cạnh tranh đến từ Trung Quốc hưởng nhiều chính sách ưu đãi từ chính quyền như thuế suất thấp, được hoàn thuế 14%, từ đó gián tiếp tạo ra sự chênh lệch lớn về giá bán sản phẩm với Công ty.
- Sản phẩm vải địa kỹ thuật được tiêu thụ phần lớn cho các dự án đầu tư bằng vốn ngân sách của Nhà nước. Với tình hình kinh tế khó khăn như hiện nay, nhiều dự án bị chậm tiến độ giải ngân có thể dẫn tới những rủi ro trong quá trình bán hàng – thu tiền.
- Công ty đang có nguy cơ phải nộp bổ sung khoản thuế VAT lên tới hàng tỷ đồng do các lỗi trong quá trình luân chuyển và lưu trữ hồ sơ dẫn tới Công ty không chứng minh được tính hợp lý hợp lệ của khoản thuế VAT đã được miễn trừ.
- Công ty chưa có chính sách phân loại khách hàng, từ đó dẫn tới các rủi ro trong việc cấp tín dụng thương mại cho khách hàng và quản lý các khoản phải thu.
- Theo tiến trình điều chỉnh tiền thuê đất của Nhà nước, năm 2012 Công ty đã phải ký phụ lục hợp đồng thuê đất với đơn giá cao gấp 7,82 lần so với năm 2011. Với hình thức thuê đất nộp tiền hằng năm như hiện nay, Công ty đang đứng trước rủi ro về thay đổi mức giá thuê đất hằng năm theo chiều hướng tăng lên, điều này sẽ trực tiếp làm tăng chi phí kinh doanh và ảnh hưởng tới lợi nhuận của Công ty.
- Công ty đã đầu tư vào ba doanh nghiệp liên doanh liên kết với tổng số tiền là 3.400 triệu đồng, trong đó có Công ty Cổ phần May công nghiệp Hà nội (400 triệu đồng), Công ty cổ phần thương mại Chơn (750 triệu đồng) và Công ty Cổ phần thương mại Dệt May TP.HCM (2.250 triệu đồng). Hoạt động của ba doanh nghiệp trên đều đang gặp rất nhiều khó khăn, kết quả kinh doanh yếu kém, khiến cho Công ty không được hưởng lợi từ những khoản đầu tư này. Nếu tình trạng thua lỗ tiếp tục kéo dài, các doanh nghiệp trên sẽ mất thanh khoản, khả năng mất vốn của Công ty sẽ rất lớn.

#### **4. Rủi ro của đợt đấu giá**

Thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng và thị trường tài chính nói chung đang trải qua những biến động mạnh do ảnh hưởng của lạm phát và tác động của thị trường tài chính quốc tế. Do tâm lý nhà đầu tư chịu tác động từ tình hình thị trường chung nên kết quả đợt bán đấu giá cổ phần Công ty này cũng không nằm ngoài ảnh hưởng của tình hình thị trường tại thời điểm đấu giá. Hơn nữa, đây là đợt chào bán không có bảo lãnh phát hành, vì vậy có thể có rủi ro không bán hết số cổ phiếu chào bán. Trong trường hợp đó Tổ chức chào bán sẽ quyết định phương án phân phối số cổ phần chưa chào bán hết theo các quy định hiện hành.

#### **5. Rủi ro khác**

Một số rủi ro mang tính bất thường, khả năng xảy ra rất ít nhưng nếu xảy ra sẽ có tác động lớn và nghiêm trọng như động đất, lụt bão, chiến tranh, dịch bệnh hiểm nghèo ... Những hiện tượng này nếu xảy ra có thể ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thậm chí dẫn đến ngừng trệ hay chấm dứt tồn tại.

## PHẦN VI. NHỮNG THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT ĐẤU GIÁ

### 1. Thông tin cơ bản về đợt đấu giá công khai

- Loại cổ phần chào bán : Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chào bán : 493.000 cổ phần
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Giá khởi điểm : 12.500 đồng/cổ phần
- Bước giá : 100 đồng
- Số lượng cổ phần đăng ký : 493.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần nhà đầu tư nước ngoài được phép mua : 493.000 cổ phần

### 2. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt bán đấu giá

Việc bán phần vốn của VINATEX tại Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội là nhằm cơ cấu lại danh mục theo chủ trương tại 386/QĐ-TĐDMVN ngày 19/09/2013 của Tập đoàn Dệt may Việt Nam về việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội.

Việc chào bán phần vốn của VINATEX tại Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội chỉ làm thay đổi cơ cấu cổ đông của Công ty, không làm thay đổi vốn chủ sở hữu của Công ty.

### 3. Địa điểm nhận Bản công bố thông tin, đăng ký tham gia đấu giá, nộp tiền đặt cọc, nhận phiếu tham dự đấu giá, bỏ phiếu tham dự đấu giá

Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội.

### 4. Đối tượng tham gia đấu giá

#### 4.1. Nhà đầu tư đủ điều kiện tham dự đấu giá

Các nhà đầu tư đủ điều kiện tham dự đấu giá gồm:

- Nhà đầu tư trong nước: là cá nhân người Việt Nam, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội được thành lập và hoạt động theo luật pháp Việt Nam, có tư cách pháp nhân (đối với các tổ chức kinh tế), có địa chỉ cụ thể, rõ ràng; Nếu không phải là người đại diện pháp nhân thì phải có giấy ủy quyền hợp lệ; Nếu là cá nhân phải có chứng minh thư nhân dân, giấy tờ tùy thân hợp lệ và có đủ năng lực hành vi dân sự.
- Nhà đầu tư nước ngoài: ngoài các quy định đối với nhà đầu tư trong nước nêu trên, nếu nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân phải có hộ chiếu, thị thực còn hiệu lực; Phải mở tài khoản tại các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động trên lãnh

thổ Việt Nam và tuân thủ pháp luật Việt Nam. Mọi hoạt động liên quan đến mua cổ phần đều phải thông qua tài khoản này.

- Các tổ chức tài chính trung gian nhận uỷ thác đầu tư: Trường hợp các tổ chức tài chính trung gian nhận uỷ thác đầu tư của cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, tổ chức nhận uỷ thác đầu tư có trách nhiệm tách biệt rõ số lượng nhà đầu tư, số cổ phần của từng nhà đầu tư trong và ngoài nước đăng ký mua.

#### **4.2. Những người không được tham gia đấu giá**

- Cán bộ VINATEX có liên quan đến bán đấu giá cổ phần của VINATEX tại Công ty;
- Cá nhân và tổ chức tài chính trung gian thực hiện định giá hoặc đấu giá bán cổ phần của VINATEX tại Công ty;
- Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần và các cá nhân thuộc tổ chức này có liên quan đến cuộc đấu giá.

#### **4.3. Địa điểm, thời gian tổ chức đấu giá, thanh toán và hoàn trả tiền mua cổ phần**

Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội.



## PHẦN VII. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH

### 1. Tổ chức chào bán

#### Tập đoàn Dệt may Việt Nam

- Đại diện : Phạm Nguyên Hạnh
- Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc  
*Theo Quyết định số QĐ 387/QĐ-TDDNVN ngày 19/09/2013*
- Địa chỉ : 25 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (+84-4).38257700 Fax: (+84-4).38262269

### 2. Tổ chức phát hành

#### Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội

- Đại diện : Ông Phạm Hòa Bình
- Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Địa chỉ : Số 93 đường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (84.4) 38624849/38624621 Fax: (84.4) 38622601

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết và được chúng tôi cung cấp trên cơ sở đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### 3. Tổ chức tư vấn bán đấu giá

#### Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC)

- Đại diện : Bà Trần Thị Thu Thanh
- Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc  
*(Theo Giấy ủy quyền số 462/QĐ-BSC ngày 16/4/2012)*
- Địa chỉ : Tầng 1, 10, 11 Tháp BIDV – 35 Hàng Vôi – Hoàn Kiếm – Hà Nội
- Điện thoại : +84 4 22200672 Fax: +84 4 22200669

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ chào bán phần vốn Nhà nước của Tập đoàn Dệt may Việt Nam (VINATEX) tại Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội do Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam lập trên cơ sở

Hợp đồng tư vấn bán đấu giá số 2609/2013/TVĐG-BSC ký ngày 26/09/2013 giữa Tập đoàn Dệt may Việt Nam và BSC về việc tư vấn bán đấu giá cổ phần Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý, phù hợp với thực tế và căn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội cung cấp.

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2013

Đại diện của Tổ chức chào bán  
**TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM**  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Nguyên Hạnh

Đại diện của Tổ chức phát hành

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**  
KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đào Thị Nguyệt



Phạm Hòa Bình

Đại diện tổ chức tư vấn

**CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Thị Thu Thanh